

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung diện tích tưới tiêu được miễn thủy lợi phí năm 2013 của huyện Hoài Ân và Tây Sơn.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Theo Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt diện tích tưới nước, tiêu nước và cấp nước được miễn thủy lợi phí năm 2013; Quyết định số 3759/QĐ-UBND ngày 12/12/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sản xuất năm 2013 của Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 4138/SNN-TL ngày 04/12/2013; ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 3646/STC-NS ngày 17/12/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung diện tích tưới tiêu được miễn thủy lợi phí năm 2013 của huyện Hoài Ân và Tây Sơn như sau:

1. Huyện Hoài Ân: Điều chỉnh, bổ sung diện tích cấp bù thủy lợi phí năm 2013 là 9.797,17ha. Trong đó, Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi tưới tạo nguồn 404,96ha, các tổ hợp tác dùng nước là 9.392,2ha.

2. Huyện Tây Sơn: Điều chỉnh diện tích nhận tạo nguồn từ Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi từ 1.095,77ha lên 1.416,35ha, tăng 320,58ha. Trong đó, nhận tạo nguồn tưới bằng trọng lực giảm 129,26ha, nhận tạo nguồn tưới bằng động lực tăng 449,84ha. Điều chỉnh, bổ sung diện tích cấp bù thủy lợi phí năm 2013 là 7.911,28ha.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi, UBND các huyện Tây Sơn, Hoài Ân phân bổ kinh phí để thực hiện miễn thủy lợi phí năm 2013 cho các đơn vị theo quy định hiện hành.



Điều 3. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định, Chủ tịch UBND các huyện Hoài Ân, Tây Sơn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Trần Thị Thu Hà;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K13, K14, K17 (H.15b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thị Thu Hà



PHỤ LỤC

Kiểm theo Quyết định số 4006/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh

Đơn vị tính : ha

STT	Đơn vị, diện tích, biện pháp tưới	Diện tích đã được tỉnh phê duyệt tại QĐ số 1131/QĐ- UBND ngày 07/5/2013	Diện tích điều chỉnh, bổ sung năm 2013	So sánh tăng (+), giảm (-)	Nguyên nhân
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4) - (3)	(6)
A	Huyện Hoài Ân				
1	Công ty TNHH KTCTTL Bình Định				Hồ Vạn Hội không đủ nước tưới, Diện tích do Công ty tưới ở huyện Hoài Ân giảm 95,63 ha, trong đó có 88,2 ha chuyển qua địa phương tưới và 7,43 ha bỏ hoang.
1.1	Tạo nguồn bằng trọng lực	500,59	404,96	-95,63	
	Cây lúa	496,95	401,32	-95,63	
	Cây màu	3,64	3,64	0,00	
1.2	Tạo nguồn bằng động lực			0,00	
2	Tổ hợp tác dùng nước				
2.1	Vùng đồng bằng	4.921,21	5.009,41	88,20	
	Cây lúa	4.709,95	4.798,15	88,20	
	Biện pháp động lực chủ động hoàn toàn	2.571,20	2.659,40	88,20	
	Biện pháp trọng lực chủ động hoàn toàn	1.854,75	1.854,75	0,00	
	Biện pháp trọng lực kết hợp động lực	284,00	284,00	0,00	
	Cây màu	211,26	211,26	0,00	
	Biện pháp động lực chủ động hoàn toàn	63,80	63,80	0,00	
	Biện pháp trọng lực chủ động hoàn toàn	137,86	137,86	0,00	
	Biện pháp trọng lực kết hợp động lực	9,60	9,60	0,00	
	Cộng vùng đồng bằng	5.421,80	5.414,37	-7,43	
2.2	Vùng miền núi	4.382,80	4.382,80	0,00	
	Cây lúa	3.983,80	3.983,80	0,00	
	Biện pháp động lực chủ động hoàn toàn	902,70	902,70	0,00	
	Biện pháp trọng lực chủ động hoàn toàn	2.853,90	2.853,90	0,00	
	Biện pháp trọng lực kết hợp động lực	227,20	227,20	0,00	
	Cây màu	399,00	399,00	0,00	
	Biện pháp động lực chủ động hoàn toàn	313,50	313,50	0,00	

STT	Đơn vị, diện tích, biện pháp tưới	Diện tích đã được tỉnh phê duyệt tại QĐ số 1131/QĐ- UBND ngày 07/5/2013	Diện tích điều chỉnh, bổ sung năm 2013	Số sánh tăng (+), giảm (-)	Nguyên nhân
	Biện pháp trọng lực chủ động hoàn toàn	85,50	85,50	0,00	Do bị hạn không có nước tưới
	Biện pháp trọng lực kết hợp động lực			0,00	
	Cộng cả huyện Hoài Ân	9.804,60	9.797,17	-7,43	
B	Huyện Tây Sơn				
B.I	Công ty TNHH KTCTL Bình Định	58.762,14	58.762,14	0,00	Do hồ chứa Thuận Ninh không đảm bảo tưới tạo nguồn 129,26 ha để địa phương nhận tạo nguồn tưới bằng trọng lực sang tạo nguồn từ hệ Văn Phong tưới bằng động lực. Công ty TNHH KTCTL chuyển 320,58 ha tưới chủ động hoàn toàn của Công ty sang địa phương tưới tạo nguồn ở hệ Văn Phong.
1	Vùng đồng bằng	52.024,46	52.024,46	0,00	
1.1	Cây lúa	48.732,03	48.732,03	0,00	
	Biện pháp động lực chủ động hoàn toàn	485,40	485,40	0,00	
	Biện pháp trọng lực chủ động hoàn toàn	33.122,90	32.802,32	-320,58	
	Biện pháp trọng lực tưới tạo nguồn	15.123,73	15.444,31	320,58	
1.2	Cây màu	3.067,11	3.067,11	0,00	
	Biện pháp động lực chủ động hoàn toàn	41,60	41,60	0,00	
	Biện pháp trọng lực chủ động hoàn toàn	1.745,04	1.745,04	0,00	
	Biện pháp trọng lực tưới tạo nguồn	1.280,47	1.280,47	0,00	
1.3	thủy sản	225,32	225,32	0,00	
	Biện pháp trọng lực chủ động hoàn toàn	6,54	6,54	0,00	
	Biện pháp trọng lực tưới tạo nguồn	218,78	218,78	0,00	
2	Vùng miền núi	6.737,68	6.737,68	0,00	
2.1	Cây lúa	5.485,63	5.485,63	0,00	
	Biện pháp động lực chủ động hoàn toàn	7,50	7,50	0,00	
	Biện pháp trọng lực chủ động hoàn toàn	4.479,03	4.479,03	0,00	
	Biện pháp trọng lực tưới tạo nguồn	999,10	999,10	0,00	
2.2	Cây màu	1.238,33	1.238,33	0,00	
	Biện pháp động lực chủ động hoàn toàn	22,50	22,50	0,00	
	Biện pháp trọng lực chủ động hoàn toàn	1.100,29	1.100,29	0,00	
	Biện pháp trọng lực tưới tạo nguồn	115,54	115,54	0,00	
2.3	thủy sản	13,72	13,72	0,00	
	Biện pháp trọng lực chủ động hoàn toàn	13,72	13,72	0,00	
	Biện pháp trọng lực tưới tạo nguồn	0,00	0,00	0,00	

STT	Đơn vị, diện tích, biện pháp tưới	Diện tích đã được tính phê duyệt tại QĐ số 1131/QĐ- UBND ngày 07/5/2013	Diện tích điều chỉnh, bổ sung năm 2013	So sánh tăng (+), giảm (-)	Nguyên nhân
B.II	Tổ hợp tác dùng nước	7.590,70	7.911,28	320,58	
1	Vùng đồng bằng	4.961,36	5.281,94	320,58	
1.1	Cây lúa	4.913,08	5.234,02	320,94	
	Biện pháp động lực chủ động hoàn toàn	1.952,23	1.952,23	0,00	
	Tạo nguồn bậc 2 nhận nguồn từ Công ty tưới bằng động lực	344,44	794,28	449,84	
	Biện pháp trọng lực chủ động hoàn toàn	2.121,67	2.121,67	0,00	
	Tạo nguồn bậc 2 nhận nguồn từ Công ty tưới bằng trọng lực	494,74	365,84	-128,90	
1.2	Cây màu	48,28	47,92	-0,36	
	Tạo nguồn bậc 2 nhận nguồn từ Công ty tưới bằng trọng lực	48,28	47,92	-0,36	
2	Vùng miền núi	2.629,34	2.629,34	0,00	
2.1	Cây lúa	2.616,30	2.616,30	0,00	
	Biện pháp động lực chủ động hoàn toàn	796,32	796,32	0,00	
	Biện pháp trọng lực chủ động hoàn toàn	1.624,71	1.624,71	0,00	
	Tạo nguồn bậc 2 nhận nguồn từ Công ty tưới bằng trọng lực	195,27	195,27	0,00	
2.2	Cây màu	13,04	13,04	0,00	
	Tạo nguồn bậc 2 nhận nguồn từ Công ty tưới bằng trọng lực	13,04	13,04	0,00	